

EDUCATING TRADITIONAL CULTURAL VALUES FOR TAY ETHNIC STUDENTS THROUGH TAY FOLK SONGS

Le Thi Thanh Hue^{1*}, Le Thi Nhu Nguyet², Nguyen Thi Thanh Huyen¹

¹TNU - University of Education, ²TNU Publishing House

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 12/12/2023	Educating traditional cultural values for Tay ethnic students through Tay folk songs is an important content to contribute to preserving and promoting the national cultural identity and good traditional cultural values of Tay ethnic in Vietnam. In this research, we use interdisciplinary research methods and descriptive methods, text analysis methods, semantic analysis methods... to have comments and assessments to clarify the research problem. From the results of analyzing the educational meaning of communication culture, behavior and education of customs and traditions of the three genres of luon, quan lang and then in Tay folk songs, we find that there are many good values in Tay folk songs which need to be handed down to the younger generation, especially Tay ethnic students. Thereby, we propose some measures to improve the effectiveness of educating traditional cultural values for Tay ethnic students through Tay folk songs.
Revised: 03/02/2024	
Published: 03/02/2024	
KEYWORDS	
Education	
Traditional cultural values	
Students of the Tay ethnic group	
Tay folk songs	
Student	

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC TÀY QUA DÂN CA TÀY

Lê Thị Thanh Huệ^{1*}, Lê Thị Như Nguyệt², Nguyễn Thị Thanh Huyền¹

¹Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

²Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 12/12/2023	Giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc Tày qua dân ca Tày là một nội dung quan trọng nhằm góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc Tày ở Việt Nam. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu tiếp cận liên ngành và các phương pháp miêu tả, thủ pháp phân tích văn bản, thủ pháp phân tích ngữ nghĩa... để có những nhận xét, đánh giá nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu. Từ kết quả phân tích ý nghĩa giáo dục về văn hoá giao tiếp, ứng xử và giáo dục thuần phong mỹ tục của 3 thể loại lượn, quan lang và then trong dân ca Tày, chúng tôi nhận thấy có nhiều giá trị tốt đẹp trong dân ca Tày cần được lưu truyền tới thế hệ trẻ, đặc biệt là sinh viên người dân tộc Tày. Qua đó, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc Tày qua dân ca Tày.
Ngày hoàn thiện: 03/02/2024	
Ngày đăng: 03/02/2024	
TỪ KHÓA	
Giáo dục	
Giá trị văn hoá truyền thống	
Sinh viên người dân tộc Tày	
Dân ca Tày	
Sinh viên	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9393>

* Corresponding author. Email: hueltt@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Tày là tên chính thức của một dân tộc thiểu số ở Việt Nam - dân tộc Tày (còn có tên gọi khác là Ngạn, Phén, Thu Lao, Pa Dí, Tày Nặm, Thố), đứng thứ hai sau dân tộc Kinh, cư trú tập trung chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Đông Bắc và ở rải rác trên một số tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên [1]. Cộng đồng người Tày đến Việt Nam ít nhất từ cuối thiên niên kỉ thứ nhất trước Công nguyên. Đây là một cộng đồng có vốn văn hóa truyền thống đồ sộ, đa dạng và độc đáo, trong đó có các tác phẩm văn nghệ dân gian đã làm nên những nét bản sắc Tày. Dân ca Tày gồm những bài hát lưu truyền trong dân gian qua nhiều thế hệ. Đây là hình thức văn nghệ dân gian gắn bó mật thiết với các mặt sinh hoạt của cộng đồng người Tày (sinh hoạt lao động, sinh hoạt nghi lễ - phong tục, sinh hoạt gia đình và xã hội), phản ánh phần nào đời sống xã hội, những tập tục và những ước vọng, tâm tư của những người sáng tạo ra nó. Lượn, quan lang, then là ba loại hình đặc sắc của dân ca Tày. Dân ca Tày góp phần thể hiện giá trị chân – thiện – mỹ, hướng con người đến lối sống tích cực, nhân văn [2]. Một trong những giá trị tiêu biểu mà dân ca Tày đem lại có ý nghĩa giáo dục lớn đối với con người đó là văn hoá giao tiếp, ứng xử và giáo dục thuần phong mỹ tục.

Ở nước ta, dân ca Tày đã trở thành đối tượng quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học. Nhiều bài dân ca được các trí thức, nghệ nhân dân gian bản tộc sưu tầm, giới thiệu, biên dịch ở dạng song ngữ Tày - Việt như Hoàng Triều Ân - Hoàng Tuấn Cư [3], Nguyễn Duy Bắc [4], Nguyễn Thiên Tứ [5], Lục Văn Páo [6]... Bên cạnh đó còn có một số công trình nghiên cứu dân ca Tày trên các phương diện văn hóa, văn học, dân tộc học... của các học giả Nguyễn Thị Thoa [7], [8], Lương Thị Hạnh [9], Hoàng Văn Páo – Cao Thị Hải [10], Nguyễn Hằng Phương- Phạm Văn Vũ [11], Việt Hoàn [12], Văn Long [13], Lưu Đình Tăng [14], Ngô Đức Thịnh [15], Nguyễn Thị Thoa [8]. Các nghiên cứu này là những hướng gợi mở tích cực để chúng tôi tiếp cận dân ca Tày dưới lăng kính ngôn ngữ học, giáo dục học, góp phần đáng kể vào việc phát huy ý nghĩa giáo dục giá trị văn hoá truyền thống quan trọng của dân ca Tày đối với thế hệ trẻ. Bởi bản sắc văn hoá dân tộc được thể hiện ở lối sống, cách ứng xử, cách thể hiện nề nếp sinh hoạt, ngôn ngữ, giao tiếp [16].

Bài viết nghiên cứu về giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc Tày qua dân ca Tày ở ba tiểu loại dân ca: lượn, quan lang, then. Qua đó, bài viết góp phần thực hiện quy định về giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên ở các trường đại học hiện nay, cũng như nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong chiến lược phát triển giáo dục hiện nay của Việt Nam, đồng thời khám phá được phần nào vốn văn hóa phi vật thể, góp phần giới thiệu, tôn vinh tâm huyết, tài năng của các nghệ sĩ dân gian Tày trong sáng tạo nghệ thuật, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống vô giá của người Tày.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu và tư liệu khảo sát liên quan đến tác phẩm dân ca dân gian Tày (phần lời trong các bài hát dân ca: lượn, quan lang, then) nên ngoài những tri thức giáo dục học, ngôn ngữ làm nền tảng, bài viết có sử dụng một số tri thức khác như: văn học dân gian, âm nhạc dân gian, văn hóa học... Vì vậy, chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành để đáp ứng được mục đích nghiên cứu. Ngoài ra, các phương pháp miêu tả, thủ pháp phân tích văn bản, thủ pháp phân tích ngữ nghĩa... còn được sử dụng để có những nhận xét, đánh giá nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Ngữ liệu trong bài viết được sử dụng từ bốn xuất bản phẩm: [4], [6], [7], [12]. Các ví dụ trong bài viết được ghi bằng chữ Tày.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Một số khái niệm chung

Lượn: Lượn là một lối hát đối đáp giữa trai và gái của dân tộc Tày. Nội dung chủ yếu của các bài lượn là mượn hình ảnh của các loài cây, các loài hoa, những hình ảnh sự vật, sự việc, những tích truyện xưa để giải bày tình cảm, tâm tư của các tầng lớp thanh niên nam nữ trong buổi gặp gỡ ban đầu và thay lời hẹn ước. Đặc trưng hát xướng của lượn Tày là tính “công khai”, không hề

diễn xướng “giấu giếm”, được tiến hành cho cả già trẻ mên mộ lắng nghe. Cuộc hát lượn được chia làm 3 chặng như sau: *hát chào mời, hát tỏ tình, hát kết - già từ*.

Quan lang: Quan lang là một lối hát được sử dụng trong đám cưới của người Tày. Hệ thống những bài ca này có thể kéo dài tới hàng ngàn câu, hàng trăm bài, chia thành các phần cụ thể. Trong đó các phần mục tương ứng với từng hành động - lễ thức cụ thể trong đám cưới (có thể xem đây là một thể tài riêng dân ca nghi lễ đám cưới). Quan lang (đại diện nhà trai) là người có vai trò chính nên tên loại hát (*quan lang*) bắt nguồn từ tên nhân vật này. Cuộc hát quan lang được chia làm hai chặng: *hát thử thách, hát đón dâu*. Nội dung chính của các bài hát là cách chỉ bảo, răn dạy, lối ứng xử tinh tế, tao nhã của con người trong đời sống. Trong đám cưới, lời hát thay cho lời chào xã giao, lịch sự, thể hiện sự trân trọng thông gia, đồng thời thể hiện các ý nguyện của bên hát.

Then: Then là một loại hình nghệ thuật tổng hợp gồm đàn, hát, múa, gắn liền với tín ngưỡng của người Tày (nghĩa gốc của *then* trong tiếng Tày là: lực lượng siêu tự nhiên sáng tạo ra thế giới - Ông Trời) nhằm đưa con người tới được những bí ẩn của thế giới tâm linh với niềm tin linh thiêng. *Then* được gọi bằng nhiều tên khác như: “vít”, “pụt”, “dàng”, “vút”,... tùy từng vùng Tày, nhưng tên được dùng thông dụng nhất là “then”. Nội dung *Then* thường là những chuyện đời sống xã hội trong quá khứ (chuyện xưa) của người Tày.

Giá trị văn hoá truyền thống là "những nguyên lý đạo đức lớn mà con người trong nước thuộc các thời đại, các giai đoạn lịch sử dựa vào để phân biệt phải trái, nhận định nên chăng nhằm xây dựng độc lập, tự do và tiến bộ của dân tộc đó" [17]. Giá trị văn hóa truyền thống chính là những tư tưởng, biểu tượng, giá trị và chuẩn mực xã hội hóa, những tác phẩm văn hóa được cộng đồng tin tưởng và mong muốn gìn giữ, truyền đạt, noi theo. Nói đến văn hóa truyền thống là nói đến những giá trị tốt đẹp tiêu biểu cho một nền văn hóa được chất lọc, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [18]. Giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên là quá trình chuyển tải những giá trị văn hoá truyền thống mà các thế hệ đi trước đã tích lũy, trên cơ sở đó giúp sinh viên có nhận thức, thái độ đúng đắn và biết điều chỉnh hành vi phù hợp nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3.2. Giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc Tày qua một số tác phẩm dân ca Tày

* *Giáo dục văn hoá giao tiếp bằng lời ca ở vùng dân tộc Tày:*

Hình thức ngôn ngữ mỗi loại trong dân ca Tày chủ yếu theo những khuôn thức (hay *thể thức*) có liên quan đến một số tập tục cổ truyền ở vùng Tày. Hình thức đối đáp trong hát lượn và quan lang trước hết phản ánh những nét phong tục về quan hệ nam nữ và hôn nhân trong xã hội cổ truyền Tày. Trong những điệu hát giao duyên của người Tày, để cuộc đối đáp diễn ra bình thường và đạt được kết quả, các “diễn viên” phải tuân thủ các quy tắc hội thoại ở các vai giao tiếp khác nhau và hướng đến những mục đích đa dạng: quy tắc luân phiên lượt lời; quy tắc theo sát chủ đề của hội thoại và quy tắc đảm bảo quan hệ liên cá nhân - phép lịch sự.

Ví dụ: Người con trai bắt đầu trước, với những lời mở đầu làm quen: *Rup đăm đăm thuôn mừng thuôn bản/ Đầy hăn tối ền nhận bản mà/ Ban mà chấp co va nả táng* (Chập tối, tối kín làng kín xóm/ Trông thấy đôi ền nhận bay về/ Bay về đậu cây hoa trước cửa).

Sau sự quanh co đối đáp mở đầu, mới đến lúc chuyển sang những lời đối đáp: *Sloong rà tội tông phấc lân fây/ Slây pan cần tàng quây cách chon/ Pan nọc bản mùa lộn thâng rườn/ Khuop pi slip sloong bươn mùa thuôn/ Bura lai pây mọi chon xa đo/ Ná slắc chon slúc cò ngám ý* (Đôi ta mêm nhũn như hành hơ lửa/ Sĩ thành người đường xa cách chôn/ Thành chim bay về đến tận nhà/ Một năm mười hai tháng đến đều/ Buồn quá đi mọi chốn tìm đủ/ Chẳng chốn nào vừa ý lòng ta).

Lời đáp: *Lằm khăn nả noọng nhi mì viên/ Slap sle hủ pan ruyên giờ nay/ Chỉ kết hủ mưn đay pan sluông/ Noọng nả phười cảm làm quá xá/ Cảm noọng phười vạ phì làng...* (Cải khăn mặt em đây có viên/ Sắp sẵn để nên duyên giờ này/ Chỉ kết cho nó được thành đôi/ Em không nói lời gió thoảng bay/ Lời ngay em nói cùng anh...).

Hình thức ngôn ngữ trong hát quan lang thể hiện cách ứng xử của cả hai bên gia đình trai gái: Khi thực hiện các nghi lễ để đón rước dâu, người nhà trai phải hát lời năn nỉ (có phần khách sáo) để nhà gái nâng cao thể diện, cho công việc được thực hiện đúng trình tự. Khi đến nhà gái phải có khúc hát mở cửa, hát vào cửa, trái chiếu... Sau đó các bước liên quan đến xin dâu, đón dâu, đưa dâu... đều dùng lối hát quan lang để thể hiện. Nhà gái cũng đáp lại bằng lời ca rồi họ cùng nhau tiến hành nghi lễ. Xét về mặt văn hóa, ngôn ngữ và tri thức ứng xử thì quan lang phải là người thông minh, khéo ứng xử, giàu tri thức và rất am hiểu phong tục tập quán của tộc người. Ví dụ: Nhà trai xin trái chiếu: ...*Rườn khỏi đó chắc tầu pjái ngám/ Bấu quén dùng cái bắt của đây/ Di pjái rừ phuối ngày páy ru/ Xinh bạn nằng pjái háit slon quai* (Nhà tôi nghèo biết đâu trái chiếu/ Không quen dùng của hiếm của sang/ Chiếu trái sao thật lòng chưa biết/ Mời bạn nằng trái giúp học khôn).

Nhà gái đáp lời thanh minh: ...*Nay quý khéc ngám dâm khâu rườn/ Boong khỏi páy mì giường fúc pjái/ Nắm má là lợi cái đuối cân/ Khéc đại xá tăn vằm hâu nỏ/ Xo tăn hạy chiếu cổ lỏng mù/ Pjái fúc lỏng sườn nưa pjom bái* (...Giờ này có quý khách lên nhà/ Chúng tôi chưa kịp ra trái chiếu/ Nghĩ ra thật xấu hổ với người/ Bạn quá quên cả đường lịch sự/ Xin bạn hãy chiếu cổ xuống tay/ Trái chiếu giúp giường trên ơn lắm).

Hát then là một thể loại dân ca tín ngưỡng, mang những đặc tính của trường ca (có dung lượng lớn, thường có cốt truyện) mang màu sắc tín ngưỡng tôn kính, thuật lại cuộc hành trình dằng dặc lên thiên giới để cầu xin Ngọc Hoàng giải quyết một việc gì đó cho gia chủ. Hình thức ngôn ngữ của then ứng với các chặng - những chặng đường đi tới cõi tiên phật. Người làm then thường hát then trong các nghi lễ (có những tên gọi khác nhau) như cầu mưa, cầu nắng, giải hạn cầu may, cầu được mùa, cầu an, cúng tổ tiên, hay mừng nhà mới, mừng thọ ông bà, cha mẹ...

Ví dụ: *Kính tổ hiền giữ quản gia môn/ Ôn thiên địa cần không chi hộ/ Tốt thân/ lai tiên tổ bừa ra* (Kính tổ tiên vốn quản gia môn/ Ôn thiên địa cần khôn bảo hộ/ Tất cả nhờ tiên tổ bảo ban).

Từ phương diện hình thức ngôn ngữ của dân ca, có thể thấy người Tày rất coi trọng cách ứng xử theo nghi thức và hướng tới sự cộng cảm trong giao tiếp. Cuộc hát là những chặng đường và những khúc quanh lối rẽ, những đoạn thông thả và lời đối đáp, với những cấu trúc hướng tới những đối tượng khác nhau khi hát và mong chờ hồi âm: nam - nữ; quan lang - pả mẹ; thầy mo (thay mặt cộng đồng) - then.

* Giáo dục thuần phong mỹ tục

Chủ đề các cuộc hát mang đặc trưng riêng của từng loại trong dân ca Tày, đó là: giao duyên; gá nghĩa thông gia và thỉnh cầu, được thể hiện ra ở những lời ca về tâm trạng, những sắc thái tình yêu trong lượn; sự mừng vui, tác hợp cho cô dâu chú rể trong quan lang; là thể giới thần tiên và đường đi tới cõi thần tiên trong then.

Qua những lời lượn, có thể thấy: Khi nam nữ người Tày đã bén duyên, thì họ nguyện gắn bó, yêu thương thiết tha. Ví dụ: *Điếp căn la điếp căn khan khan/ Điếp căn tông pát nặm tằm phiêng/ Điếp căn tông pja liếng tầu nặm* (Yêu nhau thì yêu nhau tha thiết/ Yêu nhau như bát nước đầy bằng/ Yêu nhau như cá liềng dưới nước).

Khi đã nên vợ nên chồng thì phải giữ đạo thủy chung, chăm chỉ làm ăn, không được ỷ lại để xây dựng cuộc sống bền lâu. Ví dụ: *Tình phua mìa trọng đạo thủy chung/ Gảm cạ: Cửa tìn mìnng nặm bó/ Cửa võ mẹ nặm noòng* (Tình vợ chồng trọng đạo thủy chung/ Lời bảo: Cửa tay làm là nước nguồn/ Cửa bố mẹ là nước lũ).

Lời ca đề cao văn hóa ứng xử, khuyên dạy con người đạo lí, bổn phận làm người. Rằng: Con cháu phải nhớ tới nguồn cội, tổ tiên, phải sống có hiếu, kính trọng ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi. Ví dụ: *Lục lan đẫy kin bấu lùm thú/ Đẫy giú bấu lùm công/ Bấu lùm công tiên tổ...* (Con cháu được ăn không quên dĩa/ Được ở không quên ông/ Không quên công tiên tổ...); *Sloong rầu cụng đẫy bái on thân/ Công pò mẹ sinh lòng nhân đức* (Đôi ta cũng được cậ on thân/ Công cha mẹ sinh xuống nhân đức).

Qua lời quan lang, có thể thấy người Tày quan niệm con dâu, con rể cũng như con đẻ, đều phải luôn ghi nhớ công lao sinh thành của cha mẹ. Câu ca sau đây là bài học đạo lí khuyên dạy các con khác ghi công lao đó. Ví dụ: *Công pò mẹ là slung sloàng rạ /* (Công bố mẹ là cao như núi).

Bên cạnh việc răn dạy cô dâu, chú rể về đạo làm con, trong hát quan lang có không ít lời cậy nhờ hai bên cha mẹ bảo ban con cái. Mong cha mẹ khuyên dạy, giúp đỡ dâu mới hết bỡ ngỡ, thích nghi với nề nếp gia đình. Ví dụ: *Xo slon cháo lệ nghi phép tắc/ Slon lúc lừa sle chắc hát chin/ Kế tiếp dạy theo tiên tổ ám* (Xin dạy dỗ lễ nghi phép tắc/ Dạy dâu con cho biết làm ăn / Kế tiếp theo được nếp tiên tổ).

Qua những lời hát, có thể thấy: Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng cơ bản nhất trong đời sống tinh thần của người Tày. Tín ngưỡng này xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh và tục thờ thần dòng họ. Việc mời tổ tiên, hay thỉnh cầu các thần linh là một nghi lễ bắt buộc trong các sự kiện. Đây là một phong tục đẹp gắn với tín ngưỡng thể hiện lòng biết ơn của con cháu với các bậc tiền nhân trong văn hóa Tày. Ví dụ: Trong lễ tạ tông đường, thay mặt gia chủ thầy then đã thỉnh trước bàn thờ tổ tiên: *Đạo lúc lừa kính tạ tổ tông/ Tạ tông đường cam tâm ứng hộ/ Nhân thời bản hồ tổ hồ tông...* (Đạo dâu con kính tạ tổ tông/ Tiên công lên tông đường che chở/ Gốc của người nhớ tổ nhớ tông...).

Trong lễ cưới, chỉ khi nào cô dâu chú rể được thắp hương, bái lạy trước bàn thờ gia tiên thì coi như mới được sự chấp thuận của tổ tiên, dòng họ: *Xính quý họ tể hương khửn bán/ Hẩu khươi xo lạy táng tổ tiên/ Xo hủ khươi bình yên mùa nả* (Mời quý họ thắp hương lên điện/ Cho phép rể bái lạy tổ tiên/ Phù hộ cho rể con mãi mãi).

Nhìn chung, chủ đề của các loại văn bản dân ca Tày là sự phản ánh những ước nguyện, qua lời hẹn ước của hát lượn, lời chúc mừng của quan lang trong lễ cưới, lời cầu khẩn của then trong nghi lễ. Ví dụ: *Cầu phúc chúa dương gian lòng thành/ Nghìn đời đời sản hiền tôn lan.../ Mừng người già trí trẻ phong quang/ Người thôn trưởng thì sang trưởng vệ.../ Già làng này tứ chi bản mạch.../ Giai học hành lại thêm thi phú/ Người khôn thì thi đỗ đặng khoa* (Chúa dương gian lòng thành cầu phúc/ Đời đời có con cháu thảo hiền.../ Mừng người già trí trẻ phong quang/ Trưởng thôn người giàu sang oai vệ.../ Già làng được cháu con chăm sóc.../ Giai học hành lại thêm thi phú/ Giỏi giang ắt thi đỗ thủ khoa).

Trong đời sống văn hóa tâm linh của người Tày có cả một thế giới phức hợp của con người giữa muôn sự muôn loài và thánh thần tiên phật. Sự đề cao phong tục và niềm tin vào các lực lượng thần linh là cái cốt lõi khiến cho diễn xướng dân ca Tày, đặc biệt là then trở nên gần gũi, gắn bó với đời sống và tâm linh của người dân qua nhiều thế hệ. Như vậy, một số đặc trưng văn hóa của cộng đồng người Tày đã được phản ánh phần nào qua chủ đề của các văn bản dân ca, đó là: nét đẹp trong văn hóa ứng xử, lối sống trọng nghĩa tình, tinh thần lạc quan hướng tới tương lai, nhớ ơn nguồn cội, ngưỡng vọng thần linh.

* *Giáo dục cách ứng xử của người Tày*

Mỗi biểu tượng ngôn ngữ trong văn bản dân ca Tày là một sáng tạo độc đáo, kết quả của những liên tưởng theo văn hóa truyền thống Tày. Trong hệ thống biểu tượng của hát quan lang, tục lệ *Lần phải làn tàng* (dây vải chặn đường) là thử thách nhà gái đặt ra, mang tính ước lệ cao.

Lần phải làn tàng (dây vải chặn đường) - khó khăn, thử thách (tục lệ). Theo tục lệ cổ truyền, nhà gái sẽ chăng dây chặn đường đoàn nhà trai xin đón dâu khi bước tới cổng làng, là cái cớ hỏi danh tính. Ví dụ: *Mà thâng bán rườn gần tý nấy/ Bán gần mì lần phải làn tàng/ Mừng gần mì lựa loan làn sloóc* (Về đến bán nhà người nơi này/ Bán người có dây vải chặn đường/ Mừng người có lựa loan chặn lối).

Hàm ý của *lần phải làn tàng* (dây vải chặn đường) còn là sự nhắc nhở “nhập gia phải tùy tục”, phải biết nhà có chủ. Trong tình huống này, quan lang phải hát để tháo gỡ thử thách.

Lần phải làn tàng là biểu tượng cho thử thách của tục lệ và yêu cầu “nhập gia phải tùy tục”. *Lần phải làn tàng* cũng là lời nhắc nhở đến những khó khăn, cực nhọc mà cha mẹ cô dâu đã trải qua. Sợi dây màu đỏ là sợi dây nối kết tình duyên, nối kết quan hệ thông gia, màu đỏ của sợi dây chính là màu của hạnh phúc lứa đôi. Đây quả thực là một nét đẹp độc đáo trong đời sống văn hóa của người Tày: *Xo chiềng thâng noong á rườn luôn/ Cầm kha ón mà thâng đĩn nấy/ Hãn toán phải quý tòn tàng/ Hãn mì toán lựa loan khoang so óc...* (Xin trình đến nàng á nhà sang/ Đi đến đây đường trường một mối/ Thấy có tầm lựa mới đón đường/ Thấy có tầm lựa loan màu sắc...)

Trong hệ thống biểu tượng của văn bản dân ca Tày, khi nói tới vẻ đẹp, *bjoóc* (hoa), *nổc* (chim)... luôn là lựa chọn để xây dựng biểu tượng này.

Ví dụ: *Thân noọng tổng bjoóc mạn bjoóc tào/ Hắt rừ phi ngầu au te đẫy* (Thân em như hoa mạn hoa đào/ Làm sao anh ước ao cho được).

Vẻ đẹp con người được lí tưởng hóa thành biểu tượng thần linh *Mẻ Bjoóc* luôn gần gũi, gần bó, che chở cho cuộc sống của đồng bào, hàm chứa nhiều giá trị nhân văn sâu sắc. *Mẻ Bjoóc* ban phát sự sống, sức khỏe và cuộc đời cho mỗi con người ở cõi nhân gian: *Sổ sinh giủ thượng phương Mẻ Bjoóc/ Sinh lòng mà hấu oóc vắn gương* (Sổ sinh ở thượng phương Mẹ Hoa/ Cho xuống trần số ra gương, số).

Một số biểu tượng trong dân ca Tày còn thể hiện sự giao đãi, lòng mến khách của người Tày. Theo tục lệ của người Tày, khi khách đến chơi nhà, chén *lầu* (rượu), miếng *mjầu mác* (trầu cau) luôn đi cùng với lời chào, lời thăm hỏi. Ví dụ:

Lời nhà gái: *Lông rườn liền nấng ngi ngoi/ Trầu lộc quế duyên oóc khuyên mời/ Trầu lộc quế duyên oóc khuyên vị/ Tính tấu, đàn bầu hứ nầy chơi* (Vào nhà liền ngồi nghỉ ngơi/ Trầu lộc quế duyên đem ra mời/ Trầu lộc quế duyên đem ra mời các vị/ Đàn tính, đàn bầu cứ lấy chơi).

Khách đã nhận *mjầu* (trầu) rồi tấm tắc ngợi ca: *Xo mjầu đuối cãnh châm mã mjàc/ Ná kẹo ý dung pác khùng hom/ Kẹo nọi mjầu táng hom lòng toọng* (Xin trầu với kình châm người ngọc/ Chưa nhai trầu trong mồm thơm phức/ Vừa nhai trầu thơm rơi xuống bụng).

Trong lời hát quan lang, thường gặp biểu tượng *phải rằm khấu* (tấm vải ướt khô). Đó là biểu tượng công lao sinh thành và nguyện đền đáp gắn với lễ vật con rẻ dâng nộp cho nhà gái, có lẽ vật dành riêng cho mẹ cô dâu, nhắc nhớ tới giai thoại xúc động người mẹ lấy vật áo của mình lót thay tã cho con. Ý tại ngôn ngoại của biểu tượng này là một nét văn hóa làm xúc động lòng người. Ví dụ: *Phải rằm khấu sloong thước mì đơ/ Pjá công mẹ vừa xua gòn gáp/ Pạng khấu sle hấu lúc dĩ nòn/ Pạng rằm mẹ cắt đang dà hóm...* (Vải ướt khô hai thước có đủ/ Đền đáp công mẹ dưỡng dục sinh thành/ Bên khô để dành cho con ngủ/ Bên ướt để cho mẹ che đắp...).

Ngây công khổ hoài thai thập nguyệt/ Công mìn khôn xiết đền bồi/ Mì lễ vật rườn khươi mà nộp/ Thay nữ nhi báo đáp ơn người... (Công mẹ nhọc mang thai mười tháng/ Công ơn ấy con khó đền bồi/ Có lễ vật của người con rẻ/ Thay nữ nhi báo nghĩa đáp ơn...).

Trong lễ vật con rẻ dâng nộp cho nhà gái, có lẽ vật dành riêng cho mẹ cô dâu, là *phải rằm khấu* (tấm vải ướt khô). Tục dâng *phải rằm khấu* được coi là nghi lễ không thể thiếu trong đám cưới, thể hiện tình cảm trân trọng, biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục của con rẻ đối với mẹ cô dâu. Người Tày có giai thoại: Xa xưa, người mẹ lấy vật áo của mình lót thay tã cho con. Khi đêm ngủ, phần vật áo lấy làm tã bị ướt, mẹ nằm lên, còn phần khô lót cho con yên giấc.

3.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc Tày qua một số tác phẩm dân ca Tày

Qua việc phân tích một số giá trị văn hoá truyền thống trong dân ca Tày, bài viết đề xuất một số khuyến nghị để lưu giữ và đưa những tác phẩm dân ca Tày này đến gần hơn với thế hệ trẻ, nhất là sinh viên người dân tộc Tày ở trong các trường đại học:

Một là, tăng cường các hoạt động văn nghệ, văn hóa truyền thống của các tộc người trong đó có dân tộc Tày trong các hoạt động đoàn thể, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, văn minh trong nhà trường và trong kí túc xá. Đề giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên, có thể tăng cường tập hát các bài hát dân ca, các loại hình dân ca của các dân tộc, tập chơi các nhạc cụ âm nhạc truyền thống, múa những điệu múa, nhảy dân gian. Thông qua việc tìm hiểu, tập luyện các bài hát, các tác phẩm dân ca, các dụng cụ âm nhạc, các điệu múa, nhảy này, sinh viên có thể hiểu biết cũng như thêm yêu các tác phẩm dân ca được coi là di sản văn hóa tinh thần của các dân tộc, từ đó có thái độ trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống.

Hai là, thành lập các câu lạc bộ nghệ thuật dành riêng cho các sinh viên người dân tộc thiểu số, trong đó có sinh viên người dân tộc Tày sinh hoạt. Qua đó, các tác phẩm dân ca Tày sẽ được phổ biến rộng rãi và phát huy được ý nghĩa giáo dục của mình.

Ba là, đa dạng hóa các hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên hướng tới giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống cho sinh viên người dân tộc thiểu số trong môi trường đa văn hoá như: các hoạt động ngoại khoá cuối tuần trải nghiệm văn hóa các dân tộc, triển lãm nghệ thuật các dân tộc thiểu số, thành lập các diễn đàn - "forum" dành cho sinh viên người dân tộc thiểu số.

Bốn là, thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục tinh thần tự hào, tự tôn về văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc như: mở các cuộc thi tìm hiểu về văn hoá các dân tộc, bảo tồn tiếng mẹ đẻ cho sinh viên người dân tộc thiểu số,...

4. Kết luận

Các tác phẩm dân ca Tày với 3 loại hình tiêu biểu là lượn, quan lang, then có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ nói chung và sinh viên người dân tộc Tày nói riêng, đặc biệt là giáo dục văn hoá giao tiếp, ứng xử và giáo dục thuần phong mỹ tục. Thông qua những giá trị này, sinh viên dân tộc Tày ý thức được việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình và giáo dục cho sinh viên vận dụng văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại, làm cho các em hiểu được sự cần thiết và lợi ích của giá trị văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện đại. Mỗi sinh viên dân tộc Tày vừa được đào tạo để trở thành những con người có tri thức hiện đại, sẵn sàng hội nhập nhưng lại vừa mang những giá trị văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin cảm ơn sự tài trợ của Đề tài cấp Bộ B2023-TNA-10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. T. Ta (ed.), *Study the languages of ethnic groups in Vietnam*. Social Science Publishing House, Hanoi, 2009.
- [2] T. N. Le, "Text features of "quan lang" singing in Tay folk songs," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 08, pp. 102-111, 2021.
- [3] A. Trieu and Q. Hoang, *The Tay people's marriage customs*. National Culture Publishing House, Hanoi, 1995.
- [4] D. B. Nguyen, *Folk poetry in Lang Son*. National Cultural Publishing House, Hanoi, 2001.
- [5] T. T. Nguyen, *Poetry of quan lang*. National Cultural Publishing House, Hanoi, 2008.
- [6] V. P. Luc, *Tay wedding poetry*. Social Science Publishing House, Hanoi, 1985.
- [7] T. T. Nguyen, "Traditional weddings of Tay people," *Journal of Culture and Art*, vol. 290, pp. 106-109, 2008.
- [8] T. T. Nguyen, "Quan lang singing in Tay people's weddings in Cao Bang," *Journal of Culture and Art*, vol. 358, pp. 15-24, 2014.
- [9] T. H. Luong, *Wedding customs of the Tay people in Bac Kan*. Thai Nguyen University Publishing House, 2020.
- [10] V. P. Hoang and T. H. Cao, *Tay folk festival*. National Cultural Publishing House, Hanoi, 2012.
- [11] H. P. Nguyen and V. V. Pham, *Some types of folk arts in the northern mountainous areas*. Thai Nguyen University Publishing House, 2016.
- [12] V. Hoan, "Beauty in Tay people's weddings in Cao Bang," *Photo magazines of Ethnic and Mountainous areas*, December 05, 2015. [Online]. Available: <https://dantocmiennui.vn/net-dep-trong-dam-cuoi-cua-nguoi-tay-cao-bang/25957.html>. [Accessed January 02, 2021].
- [13] V. Long, "Quan lang singing, cultural beauty in Tay people's weddings in Tung Ba commune," *Ha Giang Magazine Online*, May 05, 2018. [Online]. Available: <http://baohagiang.vn/van-hoa/201805/hat-quan-lang-net-dep-van-hoa-trong-le-cuoi-cua-nguoi-tay-xa-tung-ba-724682>. [Accessed March 09, 2021].
- [14] D. T. Luu, "Repertee poems in the ceremony welcoming the bride of the Tay people," in *Announcement of Sino-Nom studies*, Institute of Sino-Nom studies, 2010, pp. 318-325.
- [15] D. T. Ngo, "Then - a form of Shaman of the Tày ethnic group in Vietnam," *Folklore Magazine*, no. 81, pp. 3-20, 2002.
- [16] H. Q. Pham, *The issue of educating students about national cultural identity*. Hanoi National University Publishing House, 2001.
- [17] T. T. H. Nguyen, "Some traditional cultural values need to be educated for students in the context of international integration," *Vietnam Science Education Magazine*, no. 24, pp. 33-37, December 2019.
- [18] V. T. Vo, "The influence of the market economy on building a lifestyle in our country today," *Communist Magazine*, no. 10, pp. 47-50, 2006.